

Số: /DNA-CĐVT

Đắk Nông, ngày tháng năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa
chữa lớn hệ thống đường nước tuần
hoàn khu vực C-08

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa lớn hệ thống đường nước tuần hoàn khu vực C-08 thuộc Phân xưởng Khí hóa than năm 2025. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục 1 đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 08/05/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

**Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ công tác sửa chữa lớn hệ thống đường nước tuần hoàn khu vực C-08
thuộc Phân xưởng Khí hóa than**

STT	Tên vật tư	Quy cách/ thông số kỹ thuật/ danh điểm	Đối tượng/ vị trí sử dụng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Co thép 90 độ (co hàn)	D720x6mm, vật liệu inox 304	Hệ thống đường nước tuần hoàn khu vực C-08 thuộc Phân xưởng Khí hóa than	cái	15,0000	
2	Co thép 90 độ (co hàn)	D480x6mm, vật liệu inox 304		cái	9,0000	
3	Co thép 90 độ (co hàn)	D426x6mm, vật liệu inox 304		cái	1,0000	
4	Côn giảm đồng tâm (côn hàn)	D720xD480x6mm, dài 610mm, vật liệu inox 304		cái	5,0000	
5	Côn giảm đồng tâm (côn hàn)	D720xD530x6mm, dài 610mm, vật liệu inox 304		cái	2,0000	
6	Côn giảm đồng tâm (côn hàn)	D530xD426x6mm, dài 508mm, vật liệu inox 304		cái	1,0000	
7	Thép ống (ống hàn)	D480x6mm, vật liệu inox 304		m	74,5940	
8	Thép ống (ống hàn)	D426x6mm, vật liệu inox 304		m	27,3900	
9	Thép ống (ống hàn)	D720x6mm, vật liệu inox 304		m	198,3220	
10	Thép ống (ống hàn)	D530x6mm, vật liệu inox 304		m	92,6500	
11	Mặt bích thép	DN700, PN10, vật liệu inox 304		cái	7,0000	
12	Mặt bích thép	DN450, PN10, vật liệu inox 304		cái	18,0000	
13	Mặt bích thép	DN400, PN10, vật liệu inox 304		cái	8,0000	
14	Mặt bích thép	DN400, PN16, vật liệu inox 304		cái	4,0000	
15	Co thép 90 độ (co hàn)	D530x6mm, vật liệu inox 304		cái	5,0000	
16	Mặt bích thép	DN500, PN10, vật liệu inox 304		cái	10,0000	
17	Thép ống (ống hàn)	D1020x6mm, vật liệu inox 304		m	17,0000	
18	Thép ống (ống hàn)	D630x6mm, vật liệu inox 304		m	40,0000	

STT	Tên vật tư	Quy cách/ thông số kỹ thuật/ danh điểm	Đối tượng/ vị trí sử dụng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
19	Co thép 150 độ (co hàn)	D630x6mm, vật liệu inox 304	Hệ thống đường nước tuần hoàn khu vực C-08 thuộc Phân xưởng Khí hóa than	cái	1,0000	
20	Côn giảm đồng tâm (côn hàn)	D1020xD630x6mm, dài 610mm, vật liệu inox 304		cái	1,0000	
21	Mặt bích thép	DN600, PN10, vật liệu inox 304		cái	4,0000	
22	Côn giảm đồng tâm (côn hàn)	D1020xD720x6mm, dài 610mm, vật liệu inox 304		cái	1,0000	
23	Thép ống (ống đúc)	DN200, SCH20, vật liệu inox 304		m	89,9110	
24	Co thép 45 độ (co đúc)	DN200, SCH20, vật liệu inox 304		cái	2,0000	
25	Thép ống (ống đúc)	DN150, SCH10, vật liệu inox 304		m	15,6000	
26	Co thép 90 độ (co đúc)	DN150, SCH10, vật liệu inox 304		cái	8,0000	
27	Mặt bích thép	DN150, PN10, vật liệu inox 304		cái	24,0000	
28	Mặt bích thép	DN80, PN10, vật liệu inox 304		cái	16,0000	
29	Côn giảm lệch tâm (côn đúc)	D168xD114x4,5 mm, dài 140mm, vật liệu inox 304		cái	16,0000	
30	Bu lông	M24x80mm, ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		bộ	748,0000	
31	Bu lông	M27x90mm, ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		bộ	352,0000	

PHỤ LỤC 2: MẪU BIỂU BÁO GIÁ

STT	Tên vật tư/nội dung công việc	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiền độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 45 ngày.**